

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TXD21B** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTXD0301	Nguyễn Hoàng An	16/06/2005				6.5	8.0				6.5		6.9
2	21BTXD0302	Bùi Hoài Bảo	14/04/2006				8	8.0				7.3		7.6
3	21BTXD0306	Phan Hải Đăng	17/04/2006				7	7.0				7.8		7.5
4	21BTXD0307	Lê Khánh Duy	16/09/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
5	21BTXD0310	Lâm Bảo Hy	11/01/2006				6.5	7.0				5.0		5.7
6	21BTXD0311	Nguyễn Tuấn Kha	13/09/2006				6.5	7.5				5.8		6.3
7	21BTXD0313	Nguyễn Chương Chí Khanh	12/11/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
8	21BTXD0314	Nguyễn Quốc Kiệt	15/04/2006				7	7.0				9.0		8.2
9	21BTXD0319	Phạm Tài Lợi	03/01/2006				7.5	7.0				7.8		7.5
10	21BTXD0320	Phạm Hải Nam	08/09/2006				0	0.0				0.0	0.0	0.0
11	21BTXD0322	Nguyễn Triệu Phú	27/11/2005				6	7.0				9.8		8.5
12	21BTXD0323	Trần Lê Quang Phúc	06/12/2006				6	7.0				5.5		6.0
13	21BTXD0324	Nguyễn Vũ Phương	07/04/2006				7	7.5				9.3		8.5
14	21BTXD0325	Phan Nguyễn Vinh Quang	08/08/2006				7	7.0				7.8		7.5
15	21BTXD0326	Nguyễn Văn Quý	07/03/2006				6.5	7.0				8.3		7.7
16	21BTXD0330	Nguyễn Văn Vũ	01/01/2005				7	7.0				9.3		8.4

Châu Đốc, ngày 14 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Văn Ngọc